TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/HS-ST.
Ngày: 11 - 9 -2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.

Ông Lê Hoàng Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 102/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Văn P, sinh năm 1975 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp 1B, xã B, huyện L , tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Đánh cá; con ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); Vợ con: Năm 1994 sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị T (không đăng ký kết hôn), có 01 con chung với chị T sinh năm 1996. Năm 2003 sống chung như vợ chồng với Trương Thị Ngọc L (không đăng ký kết hôn), có 01 con chung với chị L sinh năm 2008.

Tiền sự, tiền án: Không;

Nhân thân: Năm 1997 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân" theo Bản án số 321/HSST ngày 29/8/1997 và Bản án số 2258/HSST ngày 18/11/1997 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí

Minh; Năm 1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 năm tù về tội "Cướp tài sản công dân" theo Bản án số 366/HSST ngày 21/10/1999.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 22/8/2019 bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành về hành vi "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" hiện Cơ quan Điều tra Công an huyện Long Thành đang tiến hành điều tra.

2. Võ Văn A, (tên gọi khác: L), sinh năm 1978 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp 1B, xã B, huyện L , tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Làm Thuê; con ông Võ Văn B , sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị N , sinh năm 1958; Vợ con: Năm 1998 đăng ký kết hôn với Nguyễn Thị H , có 03 con chung với chị H : lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2004. Đến năm 2010 ly hôn với chị H . Năm 2017 đăng ký kết hôn với Nguyễn Thị Hồng D , có 02 con chung với chị D : lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015. Năm 2018 sống chung như vợ chồng với Võ Thị Kim T (không đăng ký kết hôn); không có con chung.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 14/8/2019 bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành về hành vi "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" hiện Cơ quan Điều tra Công an huyện Long Thành đang tiến hành điều tra.

- *Bị hại*: Tổng Công ty xây dựng công trình G.

Địa chỉ: Tầng trệt Tòa nhà B , 17 Mai Chí T , khu phố 3, phường B , quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh Nguyễn Thiện Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp 1B, xã B, huyện L , tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng*: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: tổ 1, ấp 1B, xã B, huyện L , tỉnh Đồng Nai.

(Các bị cáo, anh Đ có mặt; anh B đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 10 giờ ngày 20/4/2019, Huỳnh Văn P đánh cá trên kênh Rạch Ngoài ở ấp 1B, xã B thì thấy tại Công trình đúc cọc số 1 của Ban điều hành dự án gói thầu A7 thuộc dự án xây dựng đường cao tốc B do Tổng Công ty G làm chủ đầu tư có để nhiều sắt cây nhưng không có người trông coi nên P nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Lúc 17 giờ cùng ngày, P đi bộ đến nhà của Võ Văn A rủ A trộm cắp nhưng A không đồng ý tham gia. Đến 01 giờ ngày 21/4/2019, A thay đổi ý định và đi bộ đến nhà P rủ P trộm cắp sắt, P đồng ý. P và A đi nhặt 10 can nhựa loại 20 lít và các đoạn cây gỗ ở trên sông rồi kết lại thành 01 cái bè tự chế kéo dọc theo sông đến bãi đúc cọc số 1. Tại đây, P và A khiêng các cây sắt loại phi 28 VNSTEEL CB 400-V đưa lên bè kéo về bờ sông cách nhà P khoảng 100m cất giấu. P và A trộm cắp và vận chuyển được 02 chuyến (không xác định được số lượng cụ thể của từng chuyến) với tổng trọng lượng sắt trộm cắp được là 2.277kg. Đến 08 giờ cùng ngày, A điều khiển xe mô tô biển số 60V7-6226 đi đến nhà của Nguyễn Văn C ở ấp 1B, xã B gặp con gái anh C là Nguyễn Thị Mỹ H mượn 01 bình gió đá, 01 bình ga và 01 mỏ hàn. Sau đó A gọi điện nhờ Phạm Văn B đến cắt giùm số sắt trộm được thành từng đoạn nhỏ. Khoảng 10 giờ cùng ngày, P, A và B đang cắt số sắt trộm cắp được thì bị Công an xã B phát hiện nhưng P và A bỏ chạy thoát, anh B ở lại. Cơ quan Công an thu giữ tại hiện trường 12 cây sắt dài 11,7m, 70 cây sắt dài 2,5m, 12 cây sắt dài 7m, 15 cây sắt dài 4,8m, tất cả đều là loại sắt phi 28 VNSTEEL CB 400-V.

Đến ngày 02/5/2019, P và A đến Công an xã B đầu thú và khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 45/HĐĐG ngày 15/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 12 cây sắt phi 28 VNSTEEL CB 400-V dài 11,7m, 70 cây sắt phi 28 VNSTEEL CB 400-V dài 2,5m, 12 cây sắt phi 28 VNSTEEL CB 400-V dài 7m, 15 cây sắt phi 28 VNSTEEL CB 400-V dài 4,8m, tổng trọng lượng 2.277kg trị giá 29.601.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Số cây sắt như đã nêu trên đã thu hồi trả lại cho đại diện Tổng Công ty xây dựng G.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60V7-6226 do A mua lại của một người không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Riêng 01 bình gió đá, 01 bình ga và 01 mỏ hàn thuộc quyền sở hữu của anh C, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh C.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, đại diện Tổng Công ty xây dựng G không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng và các tài liệu vật chứng thu thập được tại hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 110/CT-VKSLT ngày 26/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố các bị cáo Huỳnh Văn P và Võ Văn A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án, do đó cáo trạng của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo như tại cáo trạng.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo:

+ Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Đối với bị cáo P: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo A: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Văn P và Võ Văn A phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P mức án từ 18 đến 20 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Võ Văn A mức án từ 14 đến 16 tháng tù;

Về xử lý vật chứng: Số cây sắt các bị cáo chiếm đoạt có tổng trọng lượng 2.277kg đã thu hồi trả lại cho Tổng Công ty xây dựng G nên không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60V7-6226 do An mua lại của một người không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Riêng 01 bình gió đá, 01 bình ga và 01 mỏ hàn thuộc quyền sở hữu của anh C, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh C.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, Tổng Công ty xây dựng G không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

- Ý kiến của đại diện bị hại: Về dân sự: Tổng Công ty xây dựng G đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm. Về hình sự: Đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người làm chứng anh Phạm Văn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị cáo đồng ý việc Tòa án xét xử vắng mặt anh B và đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị tiến hành xét xử. Xét anh B vắng mặt nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và sự vắng mặt của anh B không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo P và A đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án và cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, nên có cơ sở xác định: Do muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo P và A rủ nhau trộm cắp sắt của Tổng Công ty xây dựng G để bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể: Vào lúc 01 giờ ngày 21/4/2019, tại ấp 1B, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, P và A có hành vi lén lút chiếm đoạt 2.277kg sắt (loại sắt phi 28 VNSTEEL CB 400-V) của Tổng Công ty xây dựng G. Tổng giá trị tài sản P và A đã chiếm đoạt là 29.601.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung

năm 2017) như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương. Các bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Đối với bị cáo P đã từng bị Tòa án xét xử nhiều lần về các tội xâm phạm sở hữu nhưng sau khi chấp hành xong thì bị cáo vẫn không sửa chữa sai lầm. Mặt khác, các bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng các bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội là thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo. Đây là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo P là người khởi xướng, rủ rê bị cáo A và có nhân thân xấu nên bị cáo phải chịu mức án cao hơn bị cáo An. Đối với bị cáo A, đáng lẽ sau khi từ chối lời rủ rê của P thì bị cáo phải từ bỏ ý định phạm tội nhưng bị cáo lại thay đổi ý định và quay lại rủ P đi trộm cắp và tích cực tham gia thực hiện, do đó bị cáo cũng phải nhận mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo P: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và ra đầu thú quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo A: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và ra đầu thú, bị cáo là lao động chính trong gia đình quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Số sắt các bị cáo chiếm đoạt có tổng trọng lượng 2.277kg đã thu hồi trả lại cho bị hại là đúng pháp luật. Đối với 01 xe mô tô biển số 60V7-6226 do A mua lại của một người không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau nên không xem xét trong vụ án này. Đối với 01

bình gió đá, 01 bình ga và 01 mỏ hàn thuộc quyền sở hữu của anh C, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh C là đúng pháp luật.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn P, Võ Văn A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Huỳnh Văn P 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/8/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Võ Văn A 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 14/8/2019.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Huỳnh Văn P, Võ Văn A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, Tổng Công ty xây dựng công trình G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa

***Nơi nhận*:**
- VKSND H.Long Thành;
- VKSND T. Đồng Nai;
- Công an H.Long Thành;
- Nhà tạm giữ CA H.Long Thành;
- CCTHA H.L
- Sở tư pháp T.Đồng Nai.
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa